

ASSESSMENT OF THE DEVELOPMENT STATUS OF FARM ECONOMIC MODELS IN QUANG BINH DURING THE 2021 - 2024 PERIOD

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ TRẠNG TRẠI Ở QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

Đinh Thị Thanh Trà
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The farm economy plays an important role in the economic development of Quang Binh province. This article compiles statistical data and analyzes the development of farm-based economic models, assessing both the current situation and the associated challenges. The results show that farm models are unevenly distributed across localities. Bo Trach district is the leading contributor, accounting for 30-50% of the total number of farms in the province. The classification of farm models indicates that livestock and mixed farms are the most suitable for local conditions, representing 35-40% of all farm types. In terms of production value, average farm area, and number of workers, local farms are comparable to the national average. However, the application of science and technology, as well as the integration of production and product consumption, remains limited. As of now, only 14.91% of farms have adopted high technology in their production and business activities.*

Keywords: *Farm economy, economic model, agriculture and forestry, Quang Binh.*

TÓM TẮT: *Kinh tế trang trại đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn tại tỉnh Quảng Bình. Bài viết sử dụng số liệu thống kê giai đoạn 2021-2024 để phân tích thực trạng phát triển mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh. Kết quả cho thấy, số lượng các mô hình trang trại phân bố không đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh. Huyện Bố Trạch là địa phương đóng góp phần lớn trong sự phát triển kinh tế trang trại, chiếm 30-50% tổng số trang trại của tỉnh. Phân loại các mô hình trang trại cho thấy, các mô hình chăn nuôi và tổng hợp chiếm ưu thế và phù hợp với điều kiện địa phương. Về giá trị sản xuất, diện tích bình quân, người lao động trong các trang trại cũng tương đương mức bình quân cả nước. Hiện nay mới chỉ có 14,91% trang trại có sử dụng công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế trang trại bền vững gắn với chuỗi giá trị và công nghệ cao.*

Từ khóa: *Kinh tế trang trại, mô hình kinh tế, nông lâm nghiệp, Quảng Bình.*

1. MỞ ĐẦU

Quảng Bình là tỉnh duyên hải thuộc vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam, có tổng diện tích tự nhiên 806.527 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 9,89% (khoảng 79.744 ha), đất lâm nghiệp chiếm 78,51% (633.184 ha), và đất chưa sử dụng chiếm 4,85%

(36.696 ha) [12, 13]. Trong những năm qua, tỉnh đã chú trọng phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững, trong đó kinh tế trang trại được xem là mô hình sản xuất có hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn [12,13].

* **Ghi chú:** Địa danh trong bài được thực hiện theo đơn vị hành chính trước thời điểm sáp nhập tỉnh.

Trang trại là đơn vị sản xuất hàng hóa có quy mô lớn, hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản, đáp ứng các tiêu chí về sản lượng, diện tích và giá trị sản xuất theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT) [1]. Kinh tế trang trại tại Quảng Bình phát triển đa dạng về loại hình và phân bố rộng trên các địa hình khác nhau như vùng núi, gò đồi, đồng bằng và ven biển.

Bài viết này nhằm tổng hợp và phân tích thực trạng phát triển các mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn gần đây, từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá về thực trạng đó.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng phương pháp phân tích định lượng dựa trên dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo thống kê của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2024, đặc biệt là các báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Bình. Dữ liệu bao gồm tổng số trang trại, phân loại theo loại hình

(trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, tổng hợp), diện tích sử dụng đất, giá trị sản xuất và các yếu tố liên quan đến lao động, công nghệ. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là mô tả thống kê, phân tích xu hướng qua các năm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng phát triển các loại hình kinh tế trang trại ở Quảng Bình

3.1.1. Phát triển số lượng các trang trại

Trong giai đoạn 2019-2024, số lượng các trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có nhiều biến động đáng chú ý. Tính đến năm 2019, toàn tỉnh có 600 trang trại, nhưng đến năm 2020, con số này giảm mạnh xuống còn 323 do sự thay đổi tiêu chí công nhận trang trại theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Theo quy định mới, một đơn vị chỉ được công nhận là trang trại khi đạt các tiêu chuẩn về quy mô diện tích tối thiểu 1 ha và giá trị sản xuất từ 2 tỷ đồng/năm trở lên.

Bảng 1. Số lượng các trang trại ở các địa phương trong những năm gần đây

Địa phương	2019	2020	2021	2022	2023	2024
TP. Đồng Hới	25	19	18	30	31	33
TX. Ba Đồn	20	7	7	7	7	7
H. Minh Hóa	-	-	-	-	-	-
H. Tuyên Hóa	21	11	13	13	15	15
H. Quảng Trạch	29	5	5	10	12	13
H. Bố Trạch	334	125	131	125	125	120
H. Quảng Ninh	27	26	26	29	29	29
H. Lệ Thủy	144	100	119	131	124	125
Tổng số	600	323	381	380	366	342

Nguồn: [3,4,5,6,7,8,9,10,11]

Từ bảng 1 có thể thấy rằng, từ năm 2021 đến 2024, tổng số trang trại dao động trong khoảng 342 đến 381 trang trại. Giai đoạn 2021- 2022 chỉ giảm nhẹ 1 trang trại

(0,26%). Giai đoạn 2022 - 2023 giảm rõ hơn với tỷ lệ gần 3,7%. Giai đoạn 2023-2024 tiếp tục giảm mạnh 6,56%. Sự sụt giảm số lượng trang trại trong hai năm gần

nhất (2023–2024) có thể là kết quả của nhiều yếu tố bất lợi như chi phí đầu vào tăng cao, thị trường tiêu thụ biến động, ảnh hưởng của dịch bệnh và chuyển đổi mô hình sản xuất sang phi nông nghiệp.

Trong đó, huyện Bố Trạch là địa phương có số lượng trang trại lớn nhất, chiếm từ 30–50% tổng số trang trại toàn tỉnh. Các huyện như Ba Đồn và Quảng Trạch có số lượng trang trại thấp và gần như không biến động qua các năm. Riêng huyện Minh Hóa không có số liệu thống kê, có thể do không đạt tiêu chí phân loại trang trại trong giai đoạn này.

3.1.2. Phân loại trang trại theo loại hình hoạt động

Theo số liệu thống kê từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Bình (2021-2024), các mô hình trang trại tại địa phương được phân thành năm loại hình chính: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và tổng hợp. Trong đó, trang trại chăn nuôi và tổng hợp chiếm tỷ trọng lớn nhất và là xu hướng phổ biến nhất tại tỉnh.

Năm 2021, tổng số trang trại toàn tỉnh là 381, trong đó trang trại tổng hợp chiếm 42,78%, tiếp theo là chăn nuôi (27,3%) và thủy sản (24,41%). Các loại hình còn lại như trồng trọt và lâm nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ (dưới 5%).

Kinh tế trang trại phát triển đa dạng trên nhiều lĩnh vực nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt các doanh nghiệp đã tham gia đầu tư nhiều vào các trang trại, liên kết giữa trang trại và doanh nghiệp

ngày càng nhiều. Đến năm 2022, số lượng trang trại duy trì ở mức 380, tuy giảm nhẹ so với năm trước, nhưng có sự thay đổi trong cơ cấu. Số lượng trang trại chăn nuôi và thủy sản tăng lên, trong khi trang trại tổng hợp giảm nhẹ. Đáng chú ý, có 64 trang trại áp dụng công nghệ cao, tương đương 16,8% tổng số trang trại - cho thấy sự chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa sản xuất đã bắt đầu hình thành.

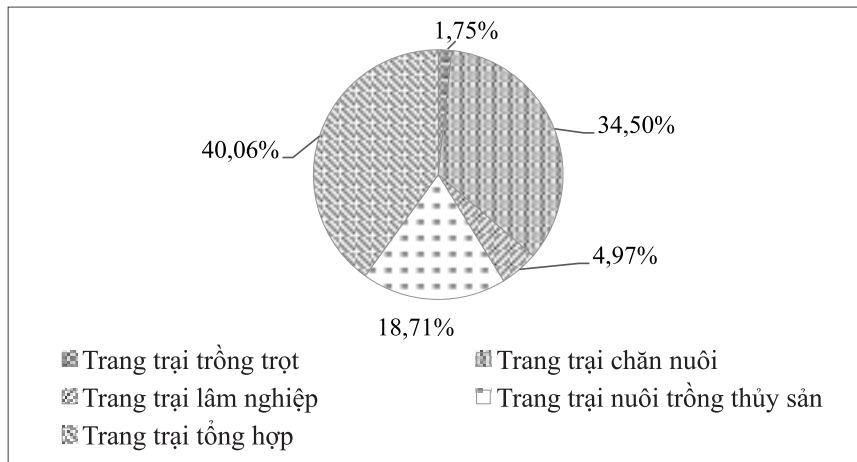
Trong hai năm tiếp theo, số lượng trang trại có xu hướng giảm: 366 (2023) và 342 (2024). Tuy vậy, tỷ trọng trang trại tổng hợp và chăn nuôi vẫn chiếm ưu thế, phản ánh nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm và tận dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, lao động.

Trang trại trồng trọt tăng mạnh trong giai đoạn 2021 - 2023, nhưng lại giảm đến 73,91% vào năm 2024, cho thấy tính thiếu ổn định của mô hình này. Trang trại chăn nuôi sau khi đạt mức tăng trưởng 11,5% vào năm 2022 đã suy giảm liên tiếp hai năm liền, phản ánh áp lực từ chi phí đầu vào và rủi ro dịch bệnh. Tương tự, số lượng trang trại nuôi trồng thủy sản giảm mạnh qua các năm, đặc biệt là năm 2023 (-22,1%), cho thấy cần có giải pháp đảm bảo sản xuất bền vững hơn. Trong khi đó, mô hình trang trại tổng hợp tuy có sụt giảm trong hai năm đầu, nhưng đã phục hồi trở lại vào năm 2024 (+8,73%). Mô hình trang trại tổng hợp cho phép kết hợp linh hoạt các hình thức sản xuất (nông - lâm - thủy sản) trên cùng một đơn vị diện tích, nhờ vậy nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và biến động thị trường.

Bảng 2. Số lượng các trang trại theo loại hình hoạt động

Chỉ tiêu	2021		2022		2023		2024	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số trang trại	381	100	380	100	366	100	342	100
Trang trại trồng trọt	5	1,31	9	2,37	23	6,28	6	1,75
Trang trại chăn nuôi	104	27,30	116	30,5	128	34,97	118	34,50
Trang trại lâm nghiệp	16	4,20	16	4,21	15	4,10	17	4,97
Trang trại nuôi trồng thủy sản	93	24,41	95	25,00	74	20,22	64	18,71
Trang trại tổng hợp	163	42,78	144	37,89	126	34,43	137	40,06

Nguồn: [8,9,10,11]

**Hình 1.** Biểu đồ thể hiện cơ cấu các loại hình trang trại năm 2024

3.2. Thực trạng các yếu tố nguồn lực

3.2.1. Nguồn lực đất đai và lao động

Đất đai là yếu tố cơ bản và đóng vai trò tiên quyết trong phát triển mô hình kinh tế trang trại. Qua bảng 3 cho thấy, năm 2021 đất nông nghiệp chiếm 21,09%, năm 2024 chiếm 20,85%. Đất nông nghiệp có xu hướng giảm nhẹ dần qua các năm, từ 91.578 ha (2021) xuống 90.500 ha (2024), giảm khoảng 1,2%. Có thể phản ánh xu hướng

chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác.

Đáng chú ý, trong cơ cấu đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (trên 77%) và duy trì ổn định, trong khi đất nông nghiệp có xu hướng giảm nhẹ, từ 91.578 ha xuống còn 90.500 ha. Điều này phản ánh sự chuyển dịch từ canh tác truyền thống sang phát triển trang trại gắn với bảo vệ rừng, hoặc mô hình nông - lâm kết hợp, đặc biệt phổ biến ở các vùng gò đồi.

Bảng 3. Diện tích đất phục vụ phát triển trang trại

Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
Đất nông nghiệp	91.578	21,09	91.450	21,08	90.872	20,95	90.500	20,90
Đất lâm nghiệp	335.298	77,22	335.139	77,25	33.5271	77,31	335.300	77,44
Diện tích mặt nước NTTS	6.680,30	1,54	6.589,76	1,52	6772,0	1,56	6.390	1,48
Đất khác	650	0,15	669	0,15	774	0,18	800	0,18
Tổng cộng	434.206,30	100	433.847,76	100	433.689	100	432.990	100

Nguồn: [3,4,5,6]

Qua phân tích số liệu từ năm 2021 đến 2024, tổng diện tích đất được các trang trại sử dụng tại Quảng Bình tăng đều, từ 1.324,4 ha (2021) lên 2.652,6 ha (2024). Diện tích bình quân mỗi trang trại cũng tăng tương ứng từ 3,5 ha lên 7,8 ha. Từ bảng số liệu có thể thấy rằng, diện tích đất của trang trại tăng liên tục và mạnh từ 2021 đến 2023 (tổng và bình quân), năm 2022 tăng 34,29% so với năm 2021, đặc biệt năm 2023 tăng 53,19%. Xu hướng này cho thấy quá trình tích tụ ruộng đất và mở rộng quy

mô sản xuất đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ (Bảng 4).

Tổng số lao động thường xuyên trong các trang trại có xu hướng giảm, từ 1.319 người (2021) xuống 1.037 người (2024). Số lao động thường xuyên giảm liên tục, đặc biệt mạnh từ 2023 - 2024 (giảm 13,8%). Điều này phản ánh một phần tác động của quá trình cơ giới hóa, tự động hóa sản xuất, nhưng cũng có thể do chuyển hướng sản xuất hoặc thiếu lao động ở nông thôn (Bảng 4).

Bảng 4. Chỉ tiêu bình quân các nguồn lực của trang trại

Chỉ tiêu	2021		2022		2023		2024	
	Tổng số	Bình quân	Tổng số	Bình quân	Tổng số	Bình quân	Tổng số	Bình quân
Diện tích đất của các trang trại (ha)	1324,4	3,5	1779,45	4,7	2653,2	7,2	2652,6	7,8
Số lao động thường xuyên (người)	1.319	3,46	1.317	3,47	1.203	3,28	1.037	3,03

Nguồn: [8,9,10,11]

3.2.2. Hiệu quả sản xuất của trang trại

Tổng giá trị thu đạt đỉnh vào năm 2022 (944.438 triệu đồng), sau đó giảm mạnh còn 487.661 triệu đồng vào năm 2024. Bình quân giá trị thu/trang trại cũng giảm

từ 2,485 tỷ đồng (2022) xuống 1,426 tỷ đồng (2024). Trong năm 2022, cả tổng giá trị thu và giá trị bình quân của trang trại đều tăng so với năm 2021 trên 21%, có thể là do xu hướng đầu tư mở rộng và kỳ vọng thị

trường sau đại dịch covid. Tuy nhiên, bước sang năm 2023, tổng giá trị thu giảm sâu tới 44,5% trong khi vốn đầu tư bình quân chỉ giảm khoảng 21,4%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn sụt giảm rõ rệt. Đến năm 2024, xu hướng này tiếp tục duy trì, với mức giảm nhẹ hơn ở cả hai chỉ tiêu, trong đó giá trị thu bình quân gần như không thay đổi so với năm trước. Sự sụt giảm này do nhiều

nguyên nhân như biến động thị trường, giá vật tư đầu vào tăng cao, hiệu quả đầu tư chưa tương xứng. Trong khi đó, giá trị vốn đầu tư sản xuất bình quân mỗi trang trại vẫn duy trì ổn định, cho thấy các trang trại vẫn có xu hướng duy trì mức đầu tư nhất định, nhưng hiệu quả sản xuất chưa được tối ưu hoá.

Bảng 5. Hiệu quả sản xuất của mô hình kinh tế trang trại ở Quảng Bình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2021		2022		2023		2024	
		Tổng số	Bình quân	Tổng số	Bình quân	Tổng số	Bình quân	Tổng số	Bình quân
Tổng giá trị thu của trang trại	Triệu đồng	776.880	2.039	944.438	2.485	524.278	1.432	487.661	1.426
Giá trị vốn đầu tư và vốn sản xuất kinh doanh bình quân	Triệu đồng		10.813		13.210		10.391		10.155

Nguồn: [8,9,10,11]

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022, trên cả nước diện tích đất bình quân 3,8 ha/trang trại; giá trị vốn đầu tư và vốn sản xuất - kinh doanh bình quân 3,52 tỷ đồng/trang trại; lao động thường xuyên bình quân 3,5 lao động/trang trại. Tổng giá trị sản xuất của các trang trại bình quân 2,86 tỷ đồng/năm [2].

So với bình quân cả nước, cho thấy rằng, diện tích đất của trang trại ở Quảng Bình cao hơn. Tổng giá trị sản xuất và số lao động thường xuyên trong các trang trại của các trang trại Quảng Bình cũng ở mức tương đương.

Trong những năm qua, có một số trang trại đã được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn lồng ghép của các địa phương. Qua đó, một

số cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các trang trại đã được thực hiện như cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi về giao đất, thuê đất và các chính sách ưu đãi cho chủ cơ sở chăn nuôi, giết mổ tập trung, cơ sở chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới....; khuyến khích người dân chuyển đổi đất trồng cây kém hiệu quả sang thâm canh trồng cỏ và các cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bằng các giống năng suất cao, giàu dinh dưỡng phục vụ nhu cầu phát triển chăn nuôi đàn gia súc ăn cỏ; hỗ trợ trang trại mua cây, con giống, vật tư; tạo cơ chế thuận lợi cho các chủ trang trại được vay vốn để phát triển sản xuất và hỗ trợ mua máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp... Ngoài những chính sách về chương trình phát

triển chăn nuôi của UBND tỉnh, một số địa phương đã trích ngân sách để hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ như: hỗ trợ trang trại chăn nuôi lợn, hỗ trợ trang trại chăn nuôi bò lai được xây dựng tại địa điểm quy hoạch của UBND xã, thị trấn, có quy mô đàn lớn và có hệ thống xử lý chất thải.

3.3. Ứng dụng khoa học công nghệ và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Khoa học công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất và giá trị sản xuất cho các mô hình trang trại. Số lượng trang trại áp dụng công nghệ cao tuy chưa cao, nhưng đã có bước tiến nhất định. Năm 2021 có 64 trang trại áp dụng công nghệ cao, chiếm 16,8%. Số trang trại ứng dụng

công nghệ cao cũng có xu hướng dao động giảm 17,19% vào năm 2022, tăng lại 20,75% trong năm 2023, nhưng lại sụt nhẹ 2,61% vào năm 2024. Điều này phản ánh sự khó khăn trong tiếp cận công nghệ, vốn đầu tư và nguồn nhân lực kỹ thuật cao.

Số lượng trang trại có liên kết tiêu thụ sản phẩm giảm mạnh tới 39,13% trong năm 2022, sau đó tăng nhẹ trong hai năm tiếp theo (~7%/năm), nhưng tỷ lệ vẫn chỉ đạt 4,39% vào năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động liên kết theo chuỗi giá trị còn rất hạn chế. Thực trạng này phản ánh rõ ràng tính thiếu bền vững trong đổi mới công nghệ và thiếu liên kết thị trường, là hai yếu tố then chốt quyết định hiệu quả và khả năng cạnh tranh của kinh tế trang trại trong bối cảnh hội nhập và biến động thị trường.

Bảng 6. Số lượng trang trại có sử dụng công nghệ cao và có liên kết tiêu thụ sản phẩm

ĐVT: Trang trại

Chỉ tiêu	2021		2022		2023		2024	
	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
Trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	23	6,04	14	3,68	15	4,10	15	4,39
Trang trại có sử dụng công nghệ cao	64	16,80	53	13,95	56	15,30	51	14,91

Nguồn: [8,9,10,11]

Việc sử dụng công nghệ cao vào sản xuất đang được các trang trại tiếp tục hướng đến. Các trang trại đã có ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất như: Hệ thống tưới nhỏ giọt, lồng, sàn cho lợn nái đẻ, hệ thống sưởi ấm cho lợn con và hệ thống cho ăn, uống tự động, hệ thống chuồng khép kín có điều hòa, hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng hầm biogas khép kín, máy đo nhiệt độ, hệ thống tưới

cây nhỏ giọt... Công nghệ nuôi chim yến, nuôi ốc hương trên cát, sản xuất rau củ quả trong nhà lưới, công nghệ tưới tự động, ứng dụng công nghệ chuồng lồng trong chăn nuôi lợn nái, hệ thống nhà lạnh, sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý chất thải trong chăn nuôi, một số trang trại chăn nuôi gà đã ứng dụng đệm lót sinh học, trang trại thủy sản sử dụng máy sục khí, quạt nước, sử dụng công nghệ vi sinh vào thức ăn, môi

trường nước,...

Như vậy, có thể thấy rằng, số lượng trang trại ở Quảng Bình có xu hướng giảm trong giai đoạn 2021-2024. Hiệu quả đầu tư giảm rõ rệt dù vốn vẫn cao.

Tỷ lệ trang trại có ứng dụng công nghệ cao gần như không tăng. Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các trang trại qua các năm chưa thấy có sự chuyển biến rõ rệt. Điều đó cho thấy sự hạn chế trong tìm kiếm thị trường, sản xuất theo chuỗi hàng hóa và thiếu công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu.

3.4. Khó khăn và thách thức

Kinh tế trang trại giữ vai trò then chốt trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, song quá trình triển khai vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản, thể hiện qua các nhóm vấn đề chính như sau:

Khó khăn về thể chế, chính sách: Các văn bản pháp luật, cơ chế hỗ trợ còn thiếu cụ thể đối với đối tượng là trang trại, dẫn đến việc tiếp cận chính sách còn hạn chế. Một số chủ trang trại chưa được hưởng đầy đủ các ưu đãi về đất đai, tín dụng, khoa học kỹ thuật.

Khả năng tiếp cận nguồn vốn thấp: Đa số các trang trại vẫn phụ thuộc vào vốn tự có. Việc vay vốn đầu tư mở rộng hoặc áp dụng công nghệ hiện đại còn gặp nhiều rào cản từ quy trình thủ tục và năng lực tài chính hạn chế của chủ trang trại.

Thiếu liên kết trong chuỗi giá trị: Nhiều sản phẩm của trang trại vẫn được tiêu thụ ở dạng thô, chưa qua chế biến hoặc xây dựng thương hiệu, dẫn đến giá trị gia tăng thấp. Việc liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa nông hộ và doanh nghiệp

chưa chặt chẽ.

Quy mô sản xuất nhỏ, manh mún: Phần lớn các trang trại có quy mô nhỏ, thiếu tính tập trung, khó áp dụng cơ giới hóa và khoa học kỹ thuật đồng bộ. Thiếu hợp tác xã hoặc tổ nhóm sản xuất để tạo lợi thế về quy mô.

Nguồn lao động chưa ổn định: Các trang trại chủ yếu sử dụng lao động gia đình hoặc lao động thời vụ. Chất lượng lao động chưa cao, thiếu kỹ năng kỹ thuật, công nghệ và năng lực quản trị.

Tác động của biến đổi khí hậu: Thời tiết cực đoan, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường, đặc biệt trong chăn nuôi, trồng trọt đang tạo ra áp lực lớn cho mô hình phát triển bền vững.

3.5. Đề xuất giải pháp

Những vấn đề trên đòi hỏi cần có những chính sách cụ thể và linh hoạt hơn nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, đồng thời hỗ trợ chuyển đổi mô hình sang hướng hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và công nghệ cao.

Hoàn thiện thể chế và chính sách hỗ trợ: Rà soát, điều chỉnh và ban hành chính sách đặc thù cho kinh tế trang trại, đặc biệt liên quan đến giao đất, thuê đất, tiếp cận tín dụng và bảo hiểm nông nghiệp. Tăng cường minh bạch và đơn giản hóa thủ tục tiếp cận các chương trình hỗ trợ đất đai, tín dụng, kỹ thuật cho các trang trại quy mô nhỏ và vừa.

Ưu tiên nâng cao hiệu quả đầu tư thay vì mở rộng quy mô hình thức. Tập trung nâng cao hiệu suất sản xuất trên mỗi đơn vị vốn thông qua cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ phù hợp.

Tăng cường liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm: Hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết giữa trang trại - hợp tác xã - doanh nghiệp, từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ. Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển

thương hiệu sản phẩm trang trại, khai thác thị trường nội địa và xuất khẩu. Chú trọng tạo ra những sản phẩm nông nghiệp sạch, nông sản hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP để tăng sức cạnh tranh, chủ động hội nhập

Phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực: Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa và chuyên đổi số trong hoạt động sản xuất của trang trại. Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật sản xuất, quản trị nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số cho chủ trang trại và lao động trực tiếp. Hợp tác với các trường nghề, trường đại học nông nghiệp để cung ứng nguồn lao động kỹ thuật có tay nghề.

Tăng tỷ lệ trang trại ứng dụng công nghệ bằng giải pháp thiết thực. Kết hợp đào tạo kỹ thuật - chuyên giao công nghệ - hướng dẫn vận hành tại chỗ cho nông hộ. Tận dụng chương trình chuyển đổi số nông nghiệp để trang trại tiếp cận kỹ thuật, thị trường, tín dụng dễ dàng hơn.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và rủi ro dịch bệnh. Tăng cường các chương trình hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nhà kính, ao lắng, cây chắn gió. Tư vấn xây dựng kế hoạch sản xuất linh hoạt, thích ứng theo mùa vụ và kịch bản thời tiết cực đoan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 quy định về “Tiêu chí kinh tế trang trại”.
- [2] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023.
- [3] Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình (2020), Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Bình,

4. KẾT LUẬN

Kinh tế trang trại tại Quảng Bình trong giai đoạn 2021 - 2024 đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện ở sự mở rộng quy mô diện tích, đa dạng hóa loại hình sản xuất và từng bước ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, tổng số trang trại có xu hướng giảm nhẹ và phân bố không đồng đều giữa các địa phương. Các mô hình trang trại chăn nuôi và tổng hợp tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, phù hợp với điều kiện sinh thái và thể mạnh của tỉnh.

Mặc dù vậy, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ và sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vẫn còn hạn chế. Hệ thống hỗ trợ chính sách, tiếp cận tín dụng và nhân lực kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

Để phát triển kinh tế trang trại một cách bền vững, cần đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ về vốn, đất đai, công nghệ và thị trường. Đồng thời, cần chú trọng đến việc nâng cao năng lực quản lý của chủ trang trại và xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với doanh nghiệp và hợp tác xã. Điều này sẽ tạo tiền đề cho việc hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, hiệu quả và thân thiện với môi trường.

- năm 2020.
- [4] Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình (2021), Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Bình, năm 2021.
- [5] Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình (2022), Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Bình, năm 2022.
- [6] Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình (2023), Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Bình, năm 2023.

- [7] Lê Thế Chung (2014), Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Đà Nẵng 2014.
- [8] Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình (2021), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế trang trại năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.
- [9] Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình (2022). Báo cáo tình hình phát triển kinh tế trang trại năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.
- [10] Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình (2023), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế trang trại năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024.
- [11] Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình (2024), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế trang trại năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.
- [12] UBND tỉnh Quảng Bình (2025), Báo cáo đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2026-2030. Số 10/BC-UBND, ngày 15 tháng 1 năm 2025.
- [13] UBND tỉnh Quảng Bình (2023), Báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện chiến lược phát

TS. Đinh Thị Thanh Trà

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

Email: tradtt@quangbinhuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 22/5/2025

Ngày gửi phản biện: 22/5/2025

Ngày duyệt đăng: 05/6/2026